

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1**

(Đợt thi 7 tháng 02 năm 2026)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số                      ngày            tháng            năm 2026)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA2602001	20810110205	Đinh Quang	An	11/12/2002	22,0	16,0	22,5	20,0	80,5	
2	TA2602002	21810310405	Nguyễn Đình	An	28/05/2003	25,0	16,0	27,5	23,0	91,5	
3	TA2602003	19810510011	Phan Trường	An	26/04/2001	21,0	8,0	28,5	17,0	74,5	
4	TA2602004	21810620564	Bùi Đức	Anh	08/05/2003	24,0	17,0	29,0	17,0	87,0	
5	TA2602005	21810710094	Hoàng Tuấn	Anh	20/12/2003	24,0	7,0	26,5	2,0	59,5	
6	TA2602006	21810520371	Nguyễn Hải	Anh	07/02/2003	25,0	16,0	30,0	23,0	94,0	
7	TA2602007	20810310420	Nguyễn Nam	Anh	28/11/2002	20,0	20,0	27,5	21,0	88,5	
8	TA2602008	21810230381	Nguyễn Quốc	Anh	09/04/2003	24,0	11,0	26,5	14,0	75,5	
9	TA2602009	21810340581	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/05/2003	21,0	14,0	25,5	25,0	85,5	
10	TA2602010	21810430680	Nguyễn Việt	Anh	04/06/2003	19,0	14,0	29,0	21,0	83,0	
11	TA2602011	24810210063	Trịnh Quang	Anh	29/09/2002	19,0	8,0	13,5	19,0	59,5	
12	TA2602012	21810230481	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	10/06/2003	25,0	17,0	18,0	24,0	84,0	
13	TA2602013	19810000095	Mai Sỹ	Bằng	23/03/2001	22,0	13,0	23,0	24,0	82,0	
14	TA2602014	21810180260	Đinh Mạnh	Cường	17/10/2003	22,0	18,0	28,5	23,0	91,5	
15	TA2602015	Thí sinh tự do	Phan Nguyễn Việt	Cường	07/03/1995	22,0	20,0	26,5	23,0	91,5	
16	TA2602016	24810180174	Nguyễn Minh	Châu	24/09/2006	24,0	10,0	17,0	18,0	69,0	
17	TA2602017	19810170157	Hoa Xuân	Chiến	23/01/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
18	TA2602018	21810310101	Trần Tiến	Chung	17/04/2003	19,0	16,0	22,5	18,0	75,5	
19	TA2602019	19810310643	Nguyễn Văn	Doanh	24/11/2001	25,0	11,0	26,5	21,0	83,5	
20	TA2602020	24810640096	Đinh Trọng	Dũng	25/04/2006	24,0	11,0	24,0	22,0	81,0	
21	TA2602021	21810640328	Nguyễn Tấn	Dũng	30/07/2003	23,0	11,0	25,0	24,0	83,0	
22	TA2602022	21710110022	Đoàn Quang	Duy	27/10/2000	21,0	17,0	29,0	18,0	85,0	
23	TA2602023	21810320491	Đỗ Ngọc	Duy	29/04/2003	19,0	16,0	25,0	22,0	82,0	
24	TA2602024	1781420013	Hoàng Lê	Duy	19/03/1999	24,0	15,0	25,0	21,0	85,0	
25	TA2602025	21810540469	Đào Hải	Dương	09/08/2003	25,0	17,0	30,0	23,0	95,0	
26	TA2602026	21810610029	Trần Việt	Dương	19/08/2003	25,0	16,0	19,5	23,0	83,5	
27	TA2602027	21810430523	Trịnh Đình	Dương	28/06/2003	24,0	17,0	26,5	23,0	90,5	
28	TA2602028	21810510072	Nguyễn Ngọc	Đại	19/07/2003	25,0	17,0	29,0	24,0	95,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
29	TA2602029	21810620572	Nguyễn Tiến	Đạt	14/02/2003	24,0	3,0	27,5	23,0	77,5	
30	TA2602030	21810180222	Phùng Tiến	Đạt	14/06/2003	21,0	7,0	28,5	24,0	80,5	
31	TA2602031	21810620393	Hoàng Đình	Đô	24/04/2003	23,0	3,0	24,0	24,0	74,0	
32	TA2602032	20810610244	Lê Anh	Đông	08/11/2001	18,0	12,0	25,5	24,0	79,5	
33	TA2602033	21810430492	Nguyễn Khắc	Đông	04/12/2003	25,0	17,0	29,0	25,0	96,0	
34	TA2602034	21810110094	Đặng Đình	Đức	03/10/2003	24,0	17,0	30,0	21,0	92,0	
35	TA2602035	20810610016	Đỗ Văn	Đức	27/10/2002	0,0	4,0	0,0	0,0	4,0	
36	TA2602036	21810620447	Nguyễn Minh	Đức	04/11/2003	25,0	2,0	24,0	18,0	69,0	
37	TA2602037	23810000015	Nguyễn Văn	Đức	01/01/2005	25,0	14,0	26,5	21,0	86,5	
38	TA2602038	21819110011	Phạm Văn	Đức	04/03/2003	24,0	12,0	27,5	21,0	84,5	
39	TA2602039	21810430753	Nguyễn Sa	Giang	11/04/2003	24,0	17,0	27,5	24,0	92,5	
40	TA2602040	Thí sinh tự do	Phạm Thu	Hà	26/06/1996	24,0	17,0	25,5	16,0	82,5	
41	TA2602041	21810620557	Phùng Ngọc	Hải	31/10/2003	24,0	16,0	25,5	23,0	88,5	
42	TA2602042	21810170468	Tô Thanh	Hải	12/03/2003	19,0	15,0	19,5	22,0	75,5	
43	TA2602043	21810340562	Phạm Thị	Hạnh	08/02/2003	20,0	2,0	21,5	21,0	64,5	
44	TA2602044	21810310566	Phạm Trọng	Hào	13/03/2002	20,0	11,0	17,0	21,0	69,0	
45	TA2602045	21810820161	Hoàng Thị Bích	Hăng	02/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
46	TA2602046	24810170077	Vũ Văn	Hậu	16/05/2006	24,0	9,0	28,5	21,0	82,5	
47	TA2602047	20810310079	Hoàng Trọng	Hiệp	11/03/2002	24,0	15,0	26,5	23,0	88,5	
48	TA2602048	21810230442	Hà Quang	Hiếu	28/10/2003	23,0	7,0	26,5	22,0	78,5	
49	TA2602049	21819120138	Nguyễn Minh	Hiếu	24/10/2003	25,0	7,0	29,0	21,0	82,0	
50	TA2602050	21810310568	Nguyễn Ngọc	Hiếu	12/01/2003	25,0	15,0	21,5	19,0	80,5	
51	TA2602051	21810230397	Nguyễn Thị Minh	Hòa	28/12/2003	25,0	17,0	27,5	22,0	91,5	
52	TA2602052	21810340524	Đoàn Huy	Hoàng	16/11/2003	25,0	18,0	28,5	22,0	93,5	
53	TA2602053	21810310403	Nguyễn Huy	Hoàng	28/03/2003	22,0	3,0	25,0	21,0	71,0	
54	TA2602054	21810310035	Phạm Việt	Hoàng	16/09/2003	25,0	15,0	19,5	12,0	71,5	
55	TA2602055	21810310160	Vương Nguyên	Huân	22/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
56	TA2602056	20810310511	Nguyễn Duy	Hùng	11/02/2002	23,0	16,0	19,0	19,0	77,0	
57	TA2602057	2182010004	Nguyễn Việt	Hùng	05/08/1998	17,0	18,0	19,0	22,0	76,0	
58	TA2602058	20810110182	Trần Văn	Hùng	01/09/2002	19,0	7,0	20,5	18,0	64,5	
59	TA2602059	19810510147	Nguyễn Bá Quang	Huy	20/02/2001	18,0	17,0	27,5	21,0	83,5	
60	TA2602060	21810180332	Nguyễn Quốc	Huy	02/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
61	TA2602061	20810540023	Phạm Quốc	Huy	29/05/2002	18,0	10,0	11,0	5,0	44,0	
62	TA2602062	21810430703	Vũ	Huy	30/07/2003	19,0	4,0	7,5	21,0	51,5	
63	TA2602063	21819100006	Lâm Việt	Huỳnh	19/11/2003	25,0	10,0	29,0	22,0	86,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
64	TA2602064	21810230458	Ngô Quốc	Hung	20/01/2003	25,0	18,0	14,5	21,0	78,5	
65	TA2602065	22810510001	Nguyễn Xuân	Hung	09/09/2004	25,0	17,0	19,0	22,0	83,0	
66	TA2602066	21810230386	Lê Thị Quỳnh	Huong	02/06/2003	25,0	11,0	13,0	21,0	70,0	
67	TA2602067	20810830233	Nguyễn Thị Thu	Huong	25/11/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
68	TA2602068	21810310556	Bùi Trung	Kiên	11/03/2003	25,0	14,0	27,5	23,0	89,5	
69	TA2602069	21810340663	Lê Duy	Kiên	26/08/2003	25,0	16,0	25,5	22,0	88,5	
70	TA2602070	21810110201	Phùng Minh	Kiên	13/09/2003	24,0	10,0	28,5	20,0	82,5	
71	TA2602071	24810640008	Ngô Hoàng Thế	Khải	31/01/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
72	TA2602072	19810310425	Bùi Trần Đức	Khánh	03/04/2001	25,0	16,0	22,5	22,0	85,5	
73	TA2602073	20810620136	Nguyễn Đình	Khánh	19/06/2002	21,0	16,0	28,5	22,0	87,5	
74	TA2602074	21810620580	Nguyễn Việt	Khánh	28/04/2003	24,0	18,0	26,5	23,0	91,5	
75	TA2602075	20810510071	Dương Văn	Khiêm	25/06/2001	24,0	14,0	28,5	21,0	87,5	
76	TA2602076	21810230034	Kiều Đức	Khoa	10/01/2003	24,0	17,0	16,5	23,0	80,5	
77	TA2602077	20810510070	Nguyễn Hữu	Lam	01/09/2002	25,0	17,0	27,5	10,0	79,5	
78	TA2602078	21810440708	Vũ Thị Mai	Lan	26/08/2002	24,0	18,0	30,0	22,0	94,0	
79	TA2602079	21810610502	Ngô Thanh	Lâm	31/10/2002	0,0	16,0	9,5	21,0	46,5	VPQC kỹ năng nghe
80	TA2602080	23810710102	Nguyễn Thị Diệu	Lê	15/06/2005	17,0	17,0	19,5	22,0	75,5	
81	TA2602081	20810000338	Phạm Mai	Linh	06/08/2002	21,0	17,0	19,0	21,0	78,0	
82	TA2602082	21810440620	Nguyễn Văn	Long	25/02/2003	25,0	16,0	29,0	23,0	93,0	
83	TA2602083	19810110322	Nguyễn Vũ	Long	07/09/2001	25,0	17,0	18,0	23,0	83,0	
84	TA2602084	21810430656	Nguyễn Tiến	Luật	27/02/2003	24,0	14,0	13,0	22,0	73,0	
85	TA2602085	18810420322	Đình Đức	Mạnh	05/09/2000	25,0	15,0	11,0	22,0	73,0	
86	TA2602086	24810430088	Nghiêm Quang	Mạnh	31/01/2006	25,0	13,0	10,5	23,0	71,5	
87	TA2602087	21810180317	Đậu Huy	Minh	06/05/2003	25,0	13,0	13,5	23,0	74,5	
88	TA2602088	20810110301	Nguyễn Công	Minh	11/03/2002	25,0	15,0	27,5	23,0	90,5	
89	TA2602089	21810510393	Nguyễn Đức	Minh	19/09/2003	21,0	18,0	25,0	23,0	87,0	
90	TA2602090	20810510068	Nguyễn Vũ	Minh	31/08/2002	24,0	5,0	24,0	23,0	76,0	
91	TA2602091	21810310341	Trịnh Gia	Minh	30/12/2003	25,0	18,0	24,0	22,0	89,0	
92	TA2602092	21810620531	Nguyễn Đắc	Mùi	18/04/2003	25,0	13,0	24,0	22,0	84,0	
93	TA2602093	21810410020	Bùi Hoàng	Nam	12/04/2003	25,0	15,0	23,0	22,0	85,0	
94	TA2602094	21810620508	Nguyễn Thành	Nam	17/10/2003	16,0	17,0	23,0	22,0	78,0	
95	TA2602095	21810540543	Phạm Duy	Nam	21/04/2003	24,0	15,0	26,5	22,0	87,5	
96	TA2602096	24810430050	Phạm Văn	Nam	22/09/2006	25,0	14,0	27,5	23,0	89,5	
97	TA2602097	24810640034	Trần Lê Khánh	Ninh	08/03/2006	25,0	16,0	24,0	23,0	88,0	
98	TA2602098	21810230421	Nguyễn Hồng	Ngọc	26/08/2003	22,0	14,0	15,5	23,0	74,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
99	TA2602099	21810550375	Vũ Hải	Nguyên	17/08/2003	22,0	16,0	26,5	22,0	86,5	
100	TA2602100	21810350378	Phạm Thành	Nhân	13/02/2000	20,0	16,0	25,0	19,0	80,0	
101	TA2602101	21810430373	Nguyễn Hoàng	Phong	03/01/2003	25,0	16,0	22,5	21,0	84,5	
102	TA2602102	24810650024	Nguyễn Quốc Gia	Phong	02/08/2006	23,0	13,0	25,5	22,0	83,5	
103	TA2602103	21810620382	Trương Thế	Phong	24/11/2003	24,0	17,0	29,0	20,0	90,0	
104	TA2602104	21810340433	Nguyễn Duy	Phú	06/09/2003	25,0	17,0	25,0	24,0	91,0	
105	TA2602105	20810430419	Chu Văn	Phương	14/02/2002	21,0	11,0	25,5	21,0	78,5	
106	TA2602106	20810310302	Đào Văn	Quang	26/06/2002	25,0	16,0	25,5	23,0	89,5	
107	TA2602107	19810310166	Nguyễn Đình	Quang	23/12/2001	19,0	16,0	22,5	17,0	74,5	
108	TA2602108	21810620009	Nguyễn Việt	Quang	20/04/2003	24,0	15,0	22,5	20,0	81,5	
109	TA2602109	24810610090	Trương Mạnh	Quang	12/10/2006	24,0	18,0	28,5	21,0	91,5	
110	TA2602110	21810310432	Đỗ Hồng	Quân	29/03/2003	25,0	17,0	30,0	24,0	96,0	
111	TA2602111	21810230447	Nguyễn Minh	Quân	17/09/2003	25,0	18,0	30,0	22,0	95,0	
112	TA2602112	21810610004	Nguyễn Hữu	Quý	10/01/2003	25,0	15,0	26,5	21,0	87,5	
113	TA2602113	20810720041	Trần Đức	Quốc	17/10/2002	25,0	16,0	23,0	20,0	84,0	
114	TA2602114	21810410068	Đỗ Tiến	Quý	05/07/2003	25,0	17,0	25,0	23,0	90,0	
115	TA2602115	21810620437	Lê Toàn	Quyền	10/09/2003	24,0	17,0	19,5	22,0	82,5	
116	TA2602116	24810000069	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/04/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
117	TA2602117	21810540488	Bùi Hoàng	Son	04/12/2003	24,0	15,0	15,5	21,0	75,5	
118	TA2602118	21810310535	Phạm Hoàng	Son	29/04/2003	15,0	18,0	22,5	19,0	74,5	
119	TA2602119	21810260036	Trần Anh	Son	07/10/2003	25,0	14,0	30,0	23,0	92,0	
120	TA2602120	21810530466	Vũ Ngọc	Tài	06/03/2003	23,0	15,0	28,5	20,0	86,5	
121	TA2602121	18810430187	Nguyễn Văn	Tiến	09/10/2000	23,0	15,0	23,0	20,0	81,0	
122	TA2602122	21810260028	Đỗ Phú	Tú	08/08/2003	25,0	14,0	26,5	20,0	85,5	
123	TA2602123	21810230510	Nguyễn Phước	Tú	05/10/2003	25,0	16,0	30,0	23,0	94,0	
124	TA2602124	21810310428	Phạm Văn	Tuân	20/07/2003	20,0	18,0	21,5	23,0	82,5	
125	TA2602125	21810310180	Nguyễn Mạnh	Tuân	23/08/2003	16,0	18,0	25,0	20,0	79,0	
126	TA2602126	24810540152	Chu Vũ Hoàng	Tùng	20/08/2006	20,0	20,0	27,5	20,0	87,5	
127	TA2602127	21810710383	Nguyễn Mạnh	Tùng	07/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
128	TA2602128	21810110437	Nguyễn Tất	Tùng	07/03/2001	25,0	16,0	22,5	24,0	87,5	
129	TA2602129	Thí sinh tự do	Hoàng Thanh	Tuyền	10/12/2001	22,0	11,0	25,0	21,0	79,0	
130	TA2602130	21810110078	Dương Đăng	Thái	26/04/2003	18,0	14,0	25,0	9,0	66,0	
131	TA2602131	21810430376	Nguyễn Tiên	Thành	16/09/2003	25,0	17,0	18,0	9,0	69,0	
132	TA2602132	21810540497	Mai Đình	Thăng	06/03/2003	24,0	15,0	14,5	14,0	67,5	
133	TA2602133	20810230137	Hạ Quang	Thăng	15/10/2002	5,0	13,0	25,5	18,0	61,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
134	TA2602134	20810310329	Lưu Đức	Thắng	11/11/2002	16,0	16,0	22,5	10,0	64,5	
135	TA2602135	21810440555	Nguyễn Xuân	Thắng	14/11/2003	17,0	17,0	30,0	17,0	81,0	
136	TA2602136	21810310116	Tạ Quốc	Thắng	02/04/2003	25,0	16,0	20,5	21,0	82,5	
137	TA2602137	21810610398	Vương Xuân	Thắng	03/11/2003	21,0	14,0	26,5	9,0	70,5	
138	TA2602138	19810320033	Nguyễn Đức	Thịnh	13/04/2001	24,0	16,0	17,0	17,0	74,0	
139	TA2602139	21810520553	Phạm Phú	Thuyên	11/03/2003	16,0	17,0	21,5	15,0	69,5	
140	TA2602140	23810000030	Hà Thị Huyền	Trang	06/07/2005	23,0	14,0	25,5	10,0	72,5	
141	TA2602141	21810850402	Trịnh Bảo	Trâm	13/03/2003	25,0	15,0	28,5	25,0	93,5	
142	TA2602142	20810620139	Trần Quốc	Triệu	02/12/1997	24,0	17,0	24,0	18,0	83,0	
143	TA2602143	21810110133	Đỗ Huy	Trung	13/03/2003	21,0	18,0	23,0	20,0	82,0	
144	TA2602144	21810410154	Đỗ Tiến	Trung	19/09/2003	22,0	17,0	22,5	22,0	83,5	
145	TA2602145	21810620488	Vũ Trí	Trung	23/01/2003	25,0	17,0	26,5	23,0	91,5	
146	TA2602146	21810310185	Lê Mạnh	Trương	13/11/2003	21,0	13,0	19,0	17,0	70,0	
147	TA2602147	21810110033	Đình Quang	Trương	17/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
148	TA2602148	21810620491	Đồng Ngọc	Vĩ	29/04/2003	22,0	17,0	27,5	20,0	86,5	
149	TA2602149	21810710329	Lương Thái	Vinh	17/03/2003	20,0	17,0	26,5	15,0	78,5	
150	TA2602150	21810310189	Phạm Nghĩa	Vinh	06/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
151	TA2602151	24810610060	Trần Xuân	Vũ	25/05/2006	8,0	16,0	8,5	19,0	51,5	
152	TA2602152	21810440754	Dương Minh	Á	26/11/2003	10,0	16,0	25,5	22,0	73,5	
153	TA2602153	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
154	TA2602154	21810510547	Phạm Trường	An	13/07/2003	0,0	17,0	0,0	0,0	17,0	VPQC kỹ năng viết
155	TA2602155	21810710084	Cao Nguyễn Kiều	Anh	16/05/2003	10,0	15,0	13,5	13,0	51,5	
156	TA2602156	18810310171	Hoàng Việt	Anh	01/12/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	VPQC kỹ năng nói
157	TA2602157	21810710389	Lương Thị Kim	Anh	27/12/2003	8,0	16,0	13,5	21,0	58,5	
158	TA2602158	24810220048	Nguyễn Lê Việt	Anh	24/07/2006	14,0	16,0	18,0	19,0	67,0	
159	TA2602159	Thí sinh tự do	Nguyễn Thế	Anh	06/08/2000	20,0	18,0	25,5	20,0	83,5	
160	TA2602160	21810230469	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	27/12/2003	18,0	13,0	29,0	18,0	78,0	
161	TA2602161	21810310464	Phạm Lan	Anh	14/10/2003	17,0	10,0	27,5	24,0	78,5	
162	TA2602162	22810310266	Vũ Nguyễn Duy	Anh	18/10/2004	20,0	13,0	17,0	19,0	69,0	
163	TA2602163	20810000346	Bùi Gia	Bách	27/08/2002	24,0	18,0	10,5	13,0	65,5	
164	TA2602164	21810430686	Nguyễn Quốc	Bảo	23/01/2003	23,0	17,0	25,5	18,0	83,5	
165	TA2602165	21819110019	Đỗ Mạnh	Cường	07/08/2003	21,0	19,0	21,5	19,0	80,5	
166	TA2602166	21810410396	Trần Hữu	Cường	21/09/2003	22,0	17,0	22,5	16,0	77,5	
167	TA2602167	21810110088	Trịnh Ngọc Linh	Chi	30/11/2003	21,0	18,0	29,0	20,0	88,0	
168	TA2602168	Thí sinh tự do	Nguyễn Trường	Chinh	23/01/1983	0,0	18,0	17,0	0,0	35,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
169	TA2602169	19810310310	Đỗ Thị	Diễm	11/06/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
170	TA2602170	24810110271	Đặng Văn	Duân	18/10/2006	14,0	15,0	11,0	8,0	48,0	
171	TA2602171	21810440728	Hoa Anh Trung	Dũng	15/04/2003	24,0	16,0	10,5	11,0	61,5	
172	TA2602172	21810610087	Nguyễn Tiến	Dũng	12/01/2003	18,0	16,0	20,5	19,0	73,5	
173	TA2602173	21810440557	Chu Đức	Duy	11/07/2003	15,0	16,0	7,5	19,0	57,5	
174	TA2602174	21810310110	Trần Quang	Duy	23/07/2003	14,0	13,0	14,5	15,0	56,5	
175	TA2602175	21810860246	Bùi Đức	Dương	30/12/2003	16,0	3,0	11,0	16,0	46,0	
176	TA2602176	21810310463	Nguyễn Quý	Dương	24/12/2003	16,0	19,0	24,0	18,0	77,0	
177	TA2602177	21810440586	Phan Đăng	Dương	28/10/2003	16,0	17,0	8,5	20,0	61,5	
178	TA2602178	21810230468	Nguyễn Minh	Đại	04/03/2003	25,0	17,0	25,5	21,0	88,5	
179	TA2602179	Thí sinh tự do	Trần Thị Tâm	Đan	16/08/1986	25,0	19,0	20,5	20,0	84,5	
180	TA2602180	19810230024	Nguyễn Văn Thành	Đạt	30/10/2001	24,0	10,0	24,0	18,0	76,0	
181	TA2602181	21810610027	Trần Tuấn	Đạt	01/04/2003	19,0	19,0	24,0	18,0	80,0	
182	TA2602182	21810170264	Vũ Thành	Đô	28/04/2003	16,0	15,0	14,5	19,0	64,5	
183	TA2602183	20810310416	Dương Văn	Đôn	06/01/2002	20,0	15,0	15,5	19,0	69,5	
184	TA2602184	21810510093	Cao Văn	Đức	08/06/2003	8,0	14,0	18,0	19,0	59,0	
185	TA2602185	21810510045	Đoàn Anh	Đức	23/01/2003	18,0	18,0	23,0	19,0	78,0	
186	TA2602186	20810110156	Hà Minh	Đức	01/07/2002	20,0	17,0	19,5	19,0	75,5	
187	TA2602187	21810310416	Nguyễn Minh	Đức	06/05/2003	17,0	16,0	21,5	19,0	73,5	
188	TA2602188	21810430365	Nguyễn Văn	Đức	14/07/2003	24,0	18,0	25,5	19,0	86,5	
189	TA2602189	21810310096	Tạ Ngọc	Đức	11/11/2003	14,0	20,0	19,5	21,0	74,5	
190	TA2602190	21810310406	Nguyễn Thị Kim	Giang	11/04/2002	22,0	14,0	24,0	19,0	79,0	
191	TA2602191	21810230492	Trần Ngọc	Hà	26/11/2003	15,0	20,0	26,5	18,0	79,5	
192	TA2602192	20810430293	Lê Văn	Hải	14/04/2002	20,0	14,0	23,0	14,0	71,0	
193	TA2602193	21810310606	Trần Xuân	Hải	24/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
194	TA2602194	21810230411	Trần Thị Thuý	Hạnh	16/02/2003	19,0	9,0	29,0	20,0	77,0	
195	TA2602195	21810230400	Phạm Thị Phương	Hào	08/09/2003	21,0	11,0	26,5	19,0	77,5	
196	TA2602196	21810110089	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/11/2003	21,0	15,0	24,0	19,0	79,0	
197	TA2602197	Thí sinh tự do	Trần Thu	Hiền	27/01/1985	21,0	18,0	28,5	19,0	86,5	
198	TA2602198	20810310345	Phạm Thế	Hiền	06/04/2002	25,0	17,0	25,5	21,0	88,5	
199	TA2602199	21810310073	Cao Hoàng	Hiếu	11/03/2003	25,0	18,0	27,5	19,0	89,5	
200	TA2602200	21810310041	Lê Xuân	Hiếu	13/09/2003	23,0	18,0	22,5	21,0	84,5	
201	TA2602201	21810640291	Trần Trung	Hiếu	01/01/2003	25,0	18,0	16,5	21,0	80,5	
202	TA2602202	21810310156	Lê Thị Quỳnh	Hoa	01/05/2003	19,0	14,0	13,0	19,0	65,0	
203	TA2602203	21810510382	Vũ Duy	Hoàn	27/12/2003	21,0	19,0	21,5	19,0	80,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
204	TA2602204	24810220063	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2006	0,0	14,0	0,0	0,0	14,0	
205	TA2602205	21810350570	Vũ Việt	Hoàng	31/01/2003	17,0	19,0	18,0	21,0	75,0	
206	TA2602206	20810000079	Trần Thị	Huế	06/12/2002	6,0	15,0	0,0	9,0	30,0	
207	TA2602207	21810320447	Lê Việt	Hùng	15/05/2003	11,0	17,0	18,0	14,0	60,0	
208	TA2602208	21819120158	Phạm Mạnh	Hùng	04/10/2003	14,0	12,0	12,0	12,0	50,0	
209	TA2602209	21810410420	Đào Quang	Huy	04/11/2003	15,0	18,0	19,0	12,0	64,0	
210	TA2602210	21810260018	Lưu Đức	Huy	06/06/2003	23,0	18,0	23,0	17,0	81,0	
211	TA2602211	21810640363	Nguyễn Quang	Huy	10/10/2003	12,0	11,0	19,0	1,0	43,0	
212	TA2602212	24810110159	Phạm Tuấn	Huy	01/08/2006	19,0	18,0	10,5	12,0	59,5	
213	TA2602213	21810230366	Lê Thị	Huyền	01/02/2002	23,0	18,0	20,5	20,0	81,5	
214	TA2602214	21810320469	Đông Văn	Hung	25/01/2002	24,0	19,0	19,5	19,0	81,5	
215	TA2602215	19810430077	Nguyễn Văn	Hung	22/02/2001	23,0	17,0	12,0	16,0	68,0	
216	TA2602216	21810570439	Trần Việt	Hung	26/08/2003	22,0	17,0	23,0	19,0	81,0	
217	TA2602217	Thí sinh tự do	Nguyễn Thị	Hương	20/04/1985	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
218	TA2602218	21810110074	Chu Văn	Hương	08/09/1998	13,0	17,0	12,0	11,0	53,0	
219	TA2602219	Thí sinh tự do	Bùi Trung	Kiên	18/09/1998	10,0	19,0	23,0	19,0	71,0	
220	TA2602220	24810410323	Nguyễn Xuân	Kiên	30/05/2006	7,0	17,0	11,0	2,0	37,0	
221	TA2602221	Thí sinh tự do	Trương Ngọc	Kiên	06/07/1986	8,0	19,0	18,0	11,0	56,0	
222	TA2602222	21810410018	Nguyễn Văn	Khang	17/05/2003	9,0	16,0	17,0	5,0	47,0	
223	TA2602223	21810110077	Ngô Bảo	Khanh	13/04/2003	12,0	17,0	0,0	0,0	29,0	
224	TA2602224	21810510038	Lê Đình	Khánh	03/10/2003	3,0	16,0	20,5	13,0	52,5	
225	TA2602225	21810430716	Nguyễn Ngọc	Khánh	21/06/2003	2,0	16,0	13,5	9,0	40,5	
226	TA2602226	21810110006	Nguyễn Vũ	Khoan	13/05/2003	7,0	17,0	9,5	19,0	52,5	
227	TA2602227	24810430121	Lê Danh	Lâm	01/10/2006	10,0	15,0	10,5	18,0	53,5	
228	TA2602228	24810540253	Phạm Thanh	Lâm	07/11/2006	15,0	18,0	24,0	15,0	72,0	
229	TA2602229	21810340427	Vũ Vương	Lâm	18/09/2003	25,0	17,0	16,5	18,0	76,5	
230	TA2602230	Thí sinh tự do	Lê Thị Thuỳ	Linh	19/03/1993	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
231	TA2602231	21810310338	Trịnh Phương	Linh	23/11/2003	16,0	16,0	14,5	18,0	64,5	
232	TA2602232	19810710103	Nguyễn Xuân	Long	31/07/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
233	TA2602233	21810310645	Trần Thị	Lương	05/05/2003	1,0	18,0	14,5	19,0	52,5	
234	TA2602234	21810230466	Lê Ngọc	Mai	15/03/2003	4,0	17,0	15,5	20,0	56,5	
235	TA2602235	21810850403	Trần Vũ Ngọc	Mai	16/05/2003	15,0	14,0	19,0	18,0	66,0	
236	TA2602236	21810180316	Nguyễn Cảnh	Mạnh	16/06/2003	18,0	12,0	15,5	20,0	65,5	
237	TA2602237	24810210048	Đỗ Ngọc	Minh	03/04/2006	13,0	20,0	19,0	20,0	72,0	
238	TA2602238	21810860450	Nguyễn Bảo	Minh	26/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
239	TA2602239	21810640292	Nguyễn Hữu	Minh	03/10/2003	12,0	14,0	16,5	17,0	59,5	
240	TA2602240	23810110363	Phạm Hoàng Công	Minh	13/09/2005	5,0	14,0	13,5	19,0	51,5	
241	TA2602241	21810310476	Trương Hữu	Minh	10/09/2003	15,0	14,0	22,5	20,0	71,5	
242	TA2602242	21810310552	Nguyễn Tiến	Mùi	25/12/2003	5,0	13,0	8,5	23,0	49,5	
243	TA2602243	21810510086	Đỗ Thành	Nam	02/09/2003	12,0	16,0	20,5	20,0	68,5	
244	TA2602244	24810510195	Hoàng Hào	Nam	03/09/2006	0,0	12,0	0,0	0,0	12,0	
245	TA2602245	24810540077	Nguyễn Việt Anh	Nam	05/03/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	VPOC kỹ năng nói
246	TA2602246	21810340628	Vũ Hải	Nam	18/10/2003	11,0	16,0	15,5	22,0	64,5	
247	TA2602247	1781420126	Nguyễn Tiến	Nghĩa	26/04/1999	21,0	12,0	25,0	24,0	82,0	
248	TA2602248	24810000087	Nguyễn Hồng	Ngọc	09/07/2006	25,0	17,0	26,5	21,0	89,5	
249	TA2602249	21810310173	Đỗ Văn	Nhân	31/05/2002	25,0	14,0	20,5	13,0	72,5	
250	TA2602250	21810510389	Lữ Quang	Nhật	01/03/2003	15,0	16,0	12,0	21,0	64,0	
251	TA2602251	21810310126	Đỗ Văn	Phong	20/08/2003	25,0	12,0	19,0	23,0	79,0	
252	TA2602252	21819100004	Nguyễn Hữu	Phong	13/01/2003	19,0	17,0	27,5	21,0	84,5	
253	TA2602253	21810340520	Bùi Quý	Phúc	24/10/2003	24,0	15,0	24,0	17,0	80,0	
254	TA2602254	21810430677	Lê Văn	Phúc	17/02/2003	19,0	18,0	25,5	19,0	81,5	
255	TA2602255	19810310146	Hoàng Minh	Phương	19/03/2001	21,0	17,0	26,5	20,0	84,5	
256	TA2602256	21810430636	Đỗ Vĩnh	Quang	02/12/2003	24,0	17,0	28,5	22,0	91,5	
257	TA2602257	24810610048	Nguyễn Thế	Quang	03/07/2006	25,0	11,0	24,0	22,0	82,0	
258	TA2602258	24810710132	Tạ Minh	Quang	24/06/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
259	TA2602259	21810620560	Trần Việt	Quang	21/12/2003	25,0	17,0	28,5	21,0	91,5	
260	TA2602260	21810310392	Đặng Anh	Quân	31/08/2003	25,0	12,0	27,5	17,0	81,5	
261	TA2602261	21810510027	Lê Anh	Quân	08/10/2003	17,0	15,0	25,0	10,0	67,0	
262	TA2602262	20810710006	Nguyễn Minh	Quân	08/07/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
263	TA2602263	21810430695	Vũ Hồng	Quân	24/05/2003	13,0	15,0	28,5	15,0	71,5	
264	TA2602264	21810310641	Đặng Tiến	Quyên	12/10/2003	14,0	15,0	27,5	19,0	75,5	
265	TA2602265	21810310445	Nguyễn Quang	Quyên	14/11/2003	4,0	14,0	29,0	17,0	64,0	
266	TA2602266	23810000012	Nguyễn Thuý	Quỳnh	21/04/2005	10,0	17,0	30,0	17,0	74,0	
267	TA2602267	21810310546	Ninh Trung	Son	19/11/2003	17,0	18,0	24,0	18,0	77,0	
268	TA2602268	21819110160	Phạm Hùng	Son	22/08/2003	17,0	14,0	27,5	4,0	62,5	
269	TA2602269	21810620524	Nguyễn Đức	Tài	09/11/2003	6,0	17,0	30,0	16,0	69,0	
270	TA2602270	21810620500	Nguyễn Công	Tạ	24/09/2003	5,0	18,0	24,0	19,0	66,0	
271	TA2602271	21810620554	Nguyễn Minh	Tiến	01/02/2003	15,0	15,0	25,0	21,0	76,0	
272	TA2602272	21810570449	Vũ Song	Toàn	17/06/2003	16,0	17,0	29,0	21,0	83,0	
273	TA2602273	21810620556	Tạ Thanh	Tú	13/01/2003	13,0	15,0	27,5	18,0	73,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
274	TA2602274	21810440400	Phuong Hữu	Tụ	07/07/2003	14,0	15,0	26,5	22,0	77,5	
275	TA2602275	21810620469	Vũ Đình	Tuấn	10/11/2003	18,0	14,0	28,5	24,0	84,5	
276	TA2602276	24810110258	Đặng Thanh	Tùng	08/10/2006	11,0	14,0	23,0	15,0	63,0	
277	TA2602277	21810310132	Nguyễn Thế	Tùng	04/04/2003	14,0	20,0	24,0	20,0	78,0	
278	TA2602278	19810510002	Phạm Việt Minh	Tùng	31/08/2001	16,0	14,0	28,5	20,0	78,5	
279	TA2602279	21810410116	Quách Văn	Tuyền	25/12/2003	18,0	13,0	15,5	20,0	66,5	
280	TA2602280	21810430681	Hoàng Ngọc	Thanh	19/03/2003	17,0	14,0	15,5	14,0	60,5	
281	TA2602281	24810510197	Đỗ Thị Phương	Thảo	26/02/2006	18,0	15,0	28,5	24,0	85,5	
282	TA2602282	21810000428	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13/12/2003	16,0	16,0	13,5	19,0	64,5	
283	TA2602283	22810430106	Đào Đức	Thắng	17/01/2004	19,0	12,0	20,5	4,0	55,5	
284	TA2602284	20810620078	Nguyễn Đức	Thắng	01/01/2002	18,0	13,0	26,5	6,0	63,5	
285	TA2602285	21810110119	Phùng Quang	Thắng	12/11/2003	17,0	16,0	20,5	14,0	67,5	
286	TA2602286	24810170118	Lê Quốc	Thịnh	08/02/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
287	TA2602287	21810520528	Nguyễn Công	Thịnh	28/10/2003	11,0	17,0	19,0	19,0	66,0	
288	TA2602288	21810310659	Nguyễn Văn	Thuận	04/03/2003	17,0	16,0	28,5	20,0	81,5	
289	TA2602289	21810170549	Trần Thị Thanh	Thư	29/08/2003	16,0	13,0	30,0	21,0	80,0	
290	TA2602290	21810230444	Nguyễn Thị Kiều	Trang	22/11/2003	17,0	13,0	20,5	13,0	63,5	
291	TA2602291	21810510390	Nguyễn Minh	Trí	18/01/2003	17,0	13,0	26,5	21,0	77,5	
292	TA2602292	21810510063	Khương Chí	Triệu	28/10/2003	24,0	17,0	13,5	21,0	75,5	
293	TA2602293	24810000112	Phùng Đức	Trọng	04/05/2006	22,0	13,0	25,5	20,0	80,5	
294	TA2602294	21810170271	Lò Đức	Trung	12/03/2003	24,0	13,0	19,5	21,0	77,5	
295	TA2602295	21810310105	Đào Xuân	Trường	26/04/2003	24,0	12,0	22,5	15,0	73,5	
296	TA2602296	21810110027	Nguyễn Đức	Trường	08/04/2003	22,0	12,0	23,0	4,0	61,0	
297	TA2602297	21810180364	Tạ Văn	Trưởng	11/02/2003	25,0	12,0	30,0	17,0	84,0	
298	TA2602298	23810000020	Đàm Thị Cẩm	Vân	08/08/2005	24,0	16,0	26,5	23,0	89,5	
299	TA2602299	20819110075	Nguyễn Đức	Việt	09/05/2002	24,0	8,0	16,5	21,0	69,5	
300	TA2602300	24810510280	Đoàn Nguyên	Vũ	03/01/2006	18,0	10,0	13,5	19,0	60,5	
301	TA2602301	24810310022	Nguyễn Trường	Vũ	21/04/2006	24,0	10,0	25,0	23,0	82,0	
302	TA2602302	21810230395	Lê Thị Hải	Yến	04/05/2003	22,0	16,0	20,5	20,0	78,5	
303	TA2602303	21810320503	Hoàng Minh	An	03/07/2003	22,0	14,0	23,0	20,0	79,0	
304	TA2602304	21810620069	Nguyễn Đại Giao	An	12/06/2003	16,0	13,0	26,5	22,0	77,5	
305	TA2602305	21810510025	Vũ Nguyễn Quốc	An	02/07/2003	16,0	15,0	15,5	21,0	67,5	
306	TA2602306	23810000043	Đới Phạm Quỳnh	Anh	08/03/2005	16,0	13,0	23,0	20,0	72,0	
307	TA2602307	21810560413	Lê Tuấn	Anh	18/03/2003	16,0	10,0	10,5	21,0	57,5	
308	TA2602308	20810420015	Ngô Tuấn	Anh	05/08/2002	17,0	16,0	20,5	21,0	74,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
309	TA2602309	Thí sinh tự do	Nguyễn Minh	Anh	01/02/2003	17,0	10,0	25,0	20,0	72,0	
310	TA2602310	21810310192	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/11/2003	21,0	17,0	17,0	17,0	72,0	
311	TA2602311	21810720186	Nguyễn Việt	Anh	20/04/2003	16,0	13,0	25,0	20,0	74,0	
312	TA2602312	20810230140	Trần Ngọc	Anh	08/12/2002	23,0	12,0	21,5	20,0	76,5	
313	TA2602313	21810410137	Doãn Chu Nhật	Ánh	18/01/2003	25,0	13,0	24,0	21,0	83,0	
314	TA2602314	21810850218	Phạm Xuân	Bách	15/09/2002	25,0	15,0	13,0	18,0	71,0	
315	TA2602315	24810230012	Nguyễn Lương	Bằng	08/10/2006	25,0	11,0	28,5	20,0	84,5	
316	TA2602316	20810430243	Lê Quốc	Cường	17/10/2002	23,0	12,0	24,0	22,0	81,0	
317	TA2602317	24810410009	Vũ Ngọc	Cường	12/09/2006	24,0	11,0	15,5	21,0	71,5	
318	TA2602318	18810220027	Bùi Minh	Chiến	16/07/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
319	TA2602319	21810110245	Trần Duy	Chinh	31/08/2003	23,0	17,0	28,5	21,0	89,5	
320	TA2602320	21810230471	Nguyễn Văn	Doãn	03/05/2003	23,0	17,0	19,5	21,0	80,5	
321	TA2602321	21810310411	Đình Lâm	Dũng	23/01/2003	16,0	14,0	14,5	21,0	65,5	
322	TA2602322	21819100001	Nguyễn Ngọc	Dũng	29/05/2003	23,0	12,0	22,5	22,0	79,5	
323	TA2602323	24810640120	Phạm Tiên	Dũng	26/09/2006	24,0	10,0	26,5	21,0	81,5	
324	TA2602324	20810320099	Nguyễn Mạnh	Duy	04/09/2002	16,0	15,0	19,0	6,0	56,0	
325	TA2602325	21810310489	Trần Thế	Duyệt	31/10/2003	16,0	18,0	22,5	19,0	75,5	
326	TA2602326	21810550422	Lưu Văn	Dương	20/10/2003	16,0	11,0	16,5	11,0	54,5	
327	TA2602327	21810850204	Phạm Tùng	Dương	17/11/2003	17,0	18,0	23,0	18,0	76,0	
328	TA2602328	21810430707	Vũ	Dương	01/10/2003	23,0	9,0	20,5	21,0	73,5	
329	TA2602329	21810430723	Phạm Huy	Đại	10/11/2003	24,0	14,0	29,0	19,0	86,0	
330	TA2602330	21810110058	Bùi Tuấn	Đạt	12/09/2003	25,0	18,0	26,5	20,0	89,5	
331	TA2602331	21810310366	Phạm Quang	Đạt	01/05/2003	25,0	15,0	24,0	22,0	86,0	
332	TA2602332	21810110485	Vũ Việt	Đạt	03/04/2003	22,0	13,0	21,5	14,0	70,5	
333	TA2602333	23810170311	Hoàng Văn	Độ	25/10/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
334	TA2602334	23810170463	Sỹ Danh	Đông	22/01/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
335	TA2602335	21810230479	Đào Quang	Đức	01/09/2003	25,0	15,0	7,5	21,0	68,5	
336	TA2602336	21810110446	Đỗ Trọng	Đức	21/06/2003	23,0	20,0	25,5	18,0	86,5	
337	TA2602337	21810620515	Nguyễn Hữu Trí	Đức	14/03/2003	25,0	10,0	25,5	22,0	82,5	
338	TA2602338	21810510504	Nguyễn Văn	Đức	07/08/2003	25,0	14,0	25,0	21,0	85,0	
339	TA2602339	24810410362	Nguyễn Việt	Đức	06/09/2006	25,0	11,0	19,0	21,0	76,0	
340	TA2602340	23810000002	Giáp Đức	Giang	07/11/2005	24,0	15,0	30,0	21,0	90,0	
341	TA2602341	21810230430	Nguyễn Thu	Giang	05/03/2003	23,0	14,0	24,0	18,0	79,0	
342	TA2602342	21810410083	Trần Tân	Hà	31/01/2003	23,0	13,0	26,5	21,0	83,5	
343	TA2602343	21810110127	Tàng Thanh	Hải	16/11/2003	25,0	13,0	22,5	21,0	81,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
344	TA2602344	21810810305	Lê Thị	Hạnh	25/09/2003	25,0	13,0	15,5	20,0	73,5	
345	TA2602345	24810170028	Đào Quang	Hào	24/11/2006	22,0	13,0	19,0	22,0	76,0	
346	TA2602346	21810850207	Đỗ Minh	Hăng	26/05/2003	25,0	17,0	26,5	18,0	86,5	
347	TA2602347	21810230463	Nguyễn Thị Thuý	Hăng	03/09/2003	25,0	15,0	20,5	21,0	81,5	
348	TA2602348	21810540377	Hà Ngọc	Hiền	06/10/2003	19,0	12,0	21,5	18,0	70,5	
349	TA2602349	21810610394	Đỗ Văn	Hiệp	16/12/2003	25,0	13,0	19,5	22,0	79,5	
350	TA2602350	21810110202	Chu Đức	Hiếu	05/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
351	TA2602351	21810410551	Nguyễn Minh	Hiếu	11/06/2003	25,0	16,0	17,0	23,0	81,0	
352	TA2602352	21810440464	Vũ Minh	Hiếu	24/03/2003	25,0	14,0	21,5	18,0	78,5	
353	TA2602353	21810430697	Lê Văn	Hoàn	29/04/2003	25,0	16,0	16,5	20,0	77,5	
354	TA2602354	21810620004	Nguyễn	Hoàng	13/12/2003	25,0	13,0	19,0	22,0	79,0	
355	TA2602355	21810640285	Phạm Việt	Hoàng	12/09/2003	19,0	13,0	18,0	19,0	69,0	
356	TA2602356	21810170402	Lê Huy	Hoạt	30/06/2003	19,0	14,0	20,5	17,0	70,5	
357	TA2602357	21810310336	Hoàng Mạnh	Hùng	04/10/2003	25,0	17,0	19,5	21,0	82,5	
358	TA2602358	20810170365	Nguyễn Đức	Hùng	06/07/2002	24,0	13,0	20,5	22,0	79,5	
359	TA2602359	21810610011	Trần Tuấn	Hùng	24/01/2003	13,0	14,0	18,0	20,0	65,0	
360	TA2602360	21810680522	Hoàng Quốc	Huy	19/07/2003	13,0	16,0	16,5	22,0	67,5	
361	TA2602361	21810430747	Lưu Văn	Huy	22/12/2003	13,0	13,0	10,5	18,0	54,5	
362	TA2602362	20810410085	Nguyễn Tiên	Huy	01/12/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
363	TA2602363	21810110013	Thiều Quang	Huy	28/09/2003	25,0	12,0	25,5	20,0	82,5	
364	TA2602364	21810310070	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/04/2003	13,0	14,0	19,0	23,0	69,0	
365	TA2602365	24810620083	Hoàng Xuân	Hung	19/07/2006	15,0	16,0	13,5	20,0	64,5	
366	TA2602366	21810410162	Nguyễn Việt	Hung	20/07/2003	15,0	17,0	28,5	15,0	75,5	
367	TA2602367	24810830096	Trịnh Tuấn	Hung	17/08/2006	14,0	13,0	8,5	22,0	57,5	
368	TA2602368	22819140076	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/11/2004	13,0	14,0	22,5	22,0	71,5	
369	TA2602369	21819120203	Nguyễn Văn	Hướng	06/02/2003	24,0	10,0	21,5	22,0	77,5	
370	TA2602370	23810170207	Đỗ Trung	Kiên	15/01/2005	23,0	16,0	14,5	20,0	73,5	
371	TA2602371	21810230409	Phạm Công	Kiên	14/08/2003	22,0	18,0	21,5	22,0	83,5	
372	TA2602372	21810520429	Lê Đình	Khải	24/12/2003	15,0	13,0	25,5	18,0	71,5	
373	TA2602373	21810310075	Phạm Cao	Khang	22/07/2003	23,0	20,0	24,0	22,0	89,0	
374	TA2602374	21810670321	Nguyễn Văn	Khanh	02/12/2003	22,0	10,0	14,5	17,0	63,5	
375	TA2602375	19810820032	Nguyễn An	Khánh	18/09/2001	17,0	19,0	25,5	21,0	82,5	
376	TA2602376	21810320402	Trịnh Văn	Khánh	18/08/2003	25,0	11,0	9,5	22,0	67,5	
377	TA2602377	24810180034	Vũ Đức	Khuong	17/02/2006	9,0	16,0	13,5	16,0	54,5	
378	TA2602378	23810710036	Nguyễn Ánh	Lâm	17/01/2005	25,0	16,0	23,0	19,0	83,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
379	TA2602379	24810340330	Phạm Văn Tùng	Lâm	21/06/2006	23,0	15,0	20,5	18,0	76,5	
380	TA2602380	21810310497	Nguyễn Công	Lập	25/01/2003	23,0	14,0	13,0	22,0	72,0	
381	TA2602381	24810820111	Phạm Kiều	Linh	15/06/2006	24,0	19,0	25,0	19,0	87,0	
382	TA2602382	21810520538	Vương Thị Thùy	Linh	30/09/2003	19,0	16,0	8,5	18,0	61,5	
383	TA2602383	21810640355	Nguyễn Thành	Luân	08/06/2003	19,0	16,0	15,5	23,0	73,5	
384	TA2602384	21810510384	Đỗ Khánh	Ly	07/11/2003	19,0	15,0	29,0	23,0	86,0	
385	TA2602385	23810710099	Ngô Thị	Mai	25/05/2005	21,0	18,0	17,0	22,0	78,0	
386	TA2602386	21810540387	Đỗ Đình	Mạnh	14/07/2004	22,0	15,0	21,5	18,0	76,5	
387	TA2602387	21810230062	Phùng Quang	Mạnh	12/03/2003	22,0	13,0	25,5	22,0	82,5	
388	TA2602388	18810310249	Nghiêm Công	Minh	17/11/2000	19,0	19,0	26,5	17,0	81,5	
389	TA2602389	21810410475	Nguyễn Duy	Minh	29/09/2003	23,0	17,0	24,0	23,0	87,0	
390	TA2602390	24810210049	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2006	22,0	15,0	13,5	23,0	73,5	
391	TA2602391	21810260038	Tô Quang	Minh	20/09/2003	21,0	18,0	14,5	21,0	74,5	
392	TA2602392	21810640337	Vũ Công	Minh	12/07/2003	19,0	14,0	20,5	17,0	70,5	
393	TA2602393	21810810273	Ngô Phương Trà	My	25/08/2003	24,0	11,0	17,0	16,0	68,0	
394	TA2602394	22810710200	Đỗ Thế	Nam	16/02/2004	22,0	11,0	19,5	19,0	71,5	
395	TA2602395	21810570498	Nguyễn Tự	Nam	06/11/2003	20,0	16,0	23,0	22,0	81,0	
396	TA2602396	21810310610	Phạm Đình Hải	Nam	28/08/2003	19,0	16,0	12,0	22,0	69,0	
397	TA2602397	21810430690	Nguyễn Văn	Ninh	09/10/2003	18,0	15,0	24,0	22,0	79,0	
398	TA2602398	24810000081	Lê Thị Bích	Ngọc	24/06/2006	15,0	7,0	14,5	23,0	59,5	
399	TA2602399	24810610123	Quyền Đình	Nguyên	24/06/2006	19,0	7,0	15,5	17,0	58,5	
400	TA2602400	21810430741	Nguyễn Đình	Nhân	25/09/2003	14,0	18,0	24,0	23,0	79,0	
401	TA2602401	20810110196	Nguyễn Phú	Nhật	10/05/2002	17,0	14,0	12,0	22,0	65,0	
402	TA2602402	20810000347	La Vũ	Phong	26/09/2002	21,0	18,0	13,0	21,0	73,0	
403	TA2602403	20810320105	Phan Văn	Phong	28/10/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
404	TA2602404	21810430696	Hoàng Văn	Phúc	11/09/2002	18,0	16,0	23,0	23,0	80,0	
405	TA2602405	24810640114	Vũ Thái	Phúc	17/01/2006	16,0	12,0	26,5	23,0	77,5	
406	TA2602406	21810610458	Lê Văn	Phương	02/07/2003	17,0	14,0	19,5	23,0	73,5	
407	TA2602407	22810710167	Kiều Cao	Quang	30/06/2004	23,0	11,0	14,5	15,0	63,5	
408	TA2602408	21810430685	Nguyễn Văn	Quang	06/01/2003	24,0	13,0	16,5	21,0	74,5	
409	TA2602409	21810310529	Trần Nhật	Quang	28/06/2003	10,0	20,0	27,5	21,0	78,5	
410	TA2602410	21810170219	Vương Đức	Quang	29/09/2003	9,0	20,0	19,5	19,0	67,5	
411	TA2602411	21810310027	Hoàng Minh	Quân	03/05/2003	20,0	15,0	25,5	20,0	80,5	
412	TA2602412	21810620002	Nguyễn Hữu	Quân	19/06/2003	18,0	9,0	15,5	21,0	63,5	
413	TA2602413	21810310412	Nguyễn Văn	Quân	08/03/2003	4,0	18,0	12,0	18,0	52,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
414	TA2602414	21810310506	Nguyễn Trọng	Quý	07/07/2003	25,0	14,0	21,5	22,0	82,5	
415	TA2602415	21810630352	Đình Văn	Quyên	17/03/2003	25,0	14,0	0,0	23,0	62,0	
416	TA2602416	21810710395	Lê Diễm	Quỳnh	09/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
417	TA2602417	21819150370	Mai Đức	Quý	12/05/2003	25,0	13,0	27,5	22,0	87,5	
418	TA2602418	21810510062	Nguyễn Trường	Son	17/09/2003	25,0	14,0	7,0	21,0	67,0	
419	TA2602419	21810310408	Phan Hải	Son	22/04/2003	25,0	16,0	20,5	19,0	80,5	
420	TA2602420	2383011004	Nguyễn Tiến	Tài	23/08/1995	24,0	17,0	13,5	19,0	73,5	
421	TA2602421	21810310563	Trương Duy	Tân	03/09/2003	22,0	19,0	11,0	23,0	75,0	
422	TA2602422	21810620578	Nguyễn Trần	Tiến	28/07/2003	24,0	14,0	19,0	23,0	80,0	
423	TA2602423	21810170255	Nguyễn Anh	Tú	05/02/2003	24,0	20,0	21,5	22,0	87,5	
424	TA2602424	20810000072	Vũ Anh	Tú	02/07/2002	25,0	18,0	13,0	23,0	79,0	
425	TA2602425	21810310558	Nguyễn Đình	Tuấn	22/09/2003	25,0	13,0	25,5	23,0	86,5	
426	TA2602426	21810530419	Bùi Thanh	Tùng	23/11/2003	23,0	13,0	23,0	23,0	82,0	
427	TA2602427	21810230065	Nguyễn Huy	Tùng	17/03/2003	18,0	14,0	25,5	19,0	76,5	
428	TA2602428	21810540479	Phạm Sơn	Tùng	17/12/2003	15,0	16,0	25,0	22,0	78,0	
429	TA2602429	20810230077	Đặng Văn	Tuyên	10/03/2002	25,0	11,0	28,5	20,0	84,5	
430	TA2602430	Thí sinh tự do	Chu Hoàng	Tường	22/05/2001	6,0	19,0	22,5	22,0	69,5	
431	TA2602431	24810310036	Phan Chí	Thành	22/09/2006	18,0	18,0	19,0	22,0	77,0	
432	TA2602432	21810860447	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15/02/2003	16,0	11,0	25,5	21,0	73,5	
433	TA2602433	21810850214	Trần Phương	Thảo	06/06/2003	16,0	17,0	20,5	18,0	71,5	
434	TA2602434	21819120185	Lê Kim	Thắng	30/08/2003	25,0	11,0	20,5	20,0	76,5	
435	TA2602435	21810620567	Nguyễn Quốc	Thắng	18/10/2003	24,0	18,0	10,5	23,0	75,5	
436	TA2602436	21810440545	Trần Duy	Thắng	22/10/2003	25,0	13,0	16,5	20,0	74,5	
437	TA2602437	21810110484	Nguyễn An	Thịnh	23/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
438	TA2602438	21810610474	Nguyễn Tất	Thông	31/08/2001	25,0	10,0	19,0	23,0	77,0	
439	TA2602439	21810440679	Nguyễn Nhân	Thuyền	31/03/2003	25,0	14,0	16,5	18,0	73,5	
440	TA2602440	24810810088	Bùi Thị	Trang	21/02/2006	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
441	TA2602441	21810810227	Trần Thu	Trang	26/03/2003	23,0	13,0	21,5	21,0	78,5	
442	TA2602442	24810310081	Nguyễn Xuân	Triều	14/06/2006	22,0	19,0	21,5	21,0	83,5	
443	TA2602443	21810230417	Phan Ngọc	Trinh	13/09/2002	23,0	16,0	7,0	21,0	67,0	
444	TA2602444	20810710146	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17/10/2002	20,0	20,0	21,5	22,0	83,5	
445	TA2602445	21819120198	Dương Thế	Trường	17/09/2003	22,0	14,0	14,5	20,0	70,5	
446	TA2602446	21810620480	Hoàng Phi	Trường	21/01/2003	17,0	12,0	15,5	21,0	65,5	
447	TA2602447	21810610494	Tô Ngọc	Trường	18/08/2003	16,0	10,0	16,5	21,0	63,5	
448	TA2602448	19810410284	Trần Văn	Ước	18/02/2001	18,0	13,0	19,5	17,0	67,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
449	TA2602449	24810000103	Ngô Thanh	Vân	10/01/2006	17,0	17,0	22,5	19,0	75,5	
450	TA2602450	21819120178	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2003	15,0	13,0	21,5	21,0	70,5	
451	TA2602451	21810620588	Lưu Quang	Vũ	09/10/2003	25,0	15,0	26,5	23,0	89,5	
452	TA2602452	21810230391	Hoàng Thị	Xuyên	27/12/2003	18,0	14,0	24,0	21,0	77,0	
453	TA2602453	21810310121	Phạm Bảo	Yến	28/08/2003	25,0	16,0	28,5	20,0	89,5	
454	TA2602454	24810510193	Lê Thanh	Hoàn	19/01/2006	15,0	14,0	24,0	21,0	74,0	

*Tổng số thí sinh theo danh sách: 454 thí sinh*

**Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:**

**1, Tổng điểm đạt: 65/100,**

**2, Kỹ năng nghe tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 7/20, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.**